

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06- 01-2025

“Về việc ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Trung Vẹn

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/TB-TLVA ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Sa P, sinh năm: 1993; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số C, khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyen Son N, sinh năm: 1973; (vắng mặt)

Đại chỉ: 2433 8TH STREET, PHILADELPHIA, PA 19148, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2024, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thạch Thị Sa P trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và tìm hiểu nhau nên bà Thạch Thị Sa P và ông Nguyen S N tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 9/01/2018. Sau khi kết hôn bà Thạch Thị Sa P và ông Nguyen S N sống chung với nhau được vài tháng thì ông Nguyen S N trở về Hoa Kỳ sinh sống, lúc đầu ông bà cũng thường xuyên liên lạc với nhau và thực hiện thủ tục bảo lãnh bà Thạch Thị Sa P sang nước ngoài nhưng không được và sau đó thì bà và ông Nguyen S N thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thạch Thị Sa P yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyen Son N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống bà Thạch Thị Sa P khai bà và ông Nguyen S N không có con chung, tài sản chung và vợ chồng cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyen S N vắng mặt không có lời trình bày.

Do ông Nguyen S N vắng mặt nên vụ án đã được Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Thạch Thị Sa P và ông Nguyen S N kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân hai người ở hai nước khác nhau, không liên lạc, trao đổi thông tin, nay tình cảm không còn, bà Thạch Thị Sa P yêu cầu ly hôn. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của P1 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P, về con chung, về tài sản chung, nợ chung bà Thạch Thị Sa P khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Thạch Thị Sa P có địa chỉ cư trú tại số C, khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh bà Sa P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyen Son N, ông Nguyen S N có nơi cư trú và làm việc tại Hoa Kỳ nên đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp thông báo cho bị đơn ông Nguyen S N về việc thụ lý vụ án, thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử nhưng không nhận được phản hồi của ông Nguyen Son N. Do đó, căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về hôn nhân: bà Thạch Thị Sa P và ông Nguyen S N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thành phố T vào ngày 05/01/2018 nên

theo quy định của pháp luật Việt Nam, hôn nhân của bà Sa P và ông Nguyen S N là hợp pháp được công nhận. Thời gian chung sống ngắn ngủi, ông Nguyen S N về nước, giữa hai người không liên lạc trao đổi thông tin. Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cuộc hôn nhân giữa bà Thạch Thị Sa P và ông Nguyen S N không đạt được mục đích đó. Hiện nay hai người ở hai nước khác nhau, không liên lạc trao đổi nên việc hàn gắn tình cảm gia đình là không thể thực hiện được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị Sa P, cho bà Thạch Thị Sa P và ông Nguyen S N ly hôn với nhau.

[4] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Thị Sa P khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Tại khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*” do đó, buộc bà Thạch Thị Sa P phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[6] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, do đó, buộc bà Thạch Thị Sa P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 469 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Việt Nam;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Việt Nam;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Thạch Thị Sa P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thạch Thị Sa P được ly hôn với ông Nguyen Son N.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị Sa P và ông

Nguyễn S N không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

3. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Buộc bà Thạch Thị Sa P phải chịu 200.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0002598 ngày 08/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, bà Thạch Thị Sa P đã nộp đủ.

4. Về án phí: Buộc bà Thạch Thị Sa P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002578 ngày 13/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, bà Thạch Thị Sa P đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Dương Thanh Tuấn Nguyễn Trung Vẹn

Lê Thành Trung

- Nơi nhận:***
- TANDCC tại TPHCM;
 - VKSND tỉnh Trà Vinh;
 - Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
 - UBND TPTV;
 - Đương sự;
 - Lưu HSơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung